

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 20 tháng 12 năm 2021)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Trần Nhứt Chiến** Ngày tháng năm sinh: 29/07/1985
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
- Nơi thường trú: Số nhà 299, ấp I, xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân (3) : 087085022239 ngày cấp 11/08/2021 nơi cấp Bộ công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lê Thị Hoài Hương** Ngày tháng năm sinh: 16/07/1990
- Nghề nghiệp: Nội trợ.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Tại nhà.
- Nơi thường trú: Số nhà 299, ấp I, xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 087190005878 ngày cấp 11/08/2021 nơi cấp Bộ công an.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Trần Tiến Đạt**. Ngày tháng năm sinh: 27/4/2008.
- Nơi thường trú: Số nhà 299, ấp I xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp “chưa có”.

3.2. Con thứ hai:

như hu

- Họ và tên: **Trần Tiên Vinh**. Ngày tháng năm sinh: 17/12/2012.
- Nơi thường trú: Số nhà 299, ấp I xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp “chưa có”.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Ấp I, xã Bình Tấn, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp
- Diện tích⁽⁹⁾: 1000 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 250.000.000 đồng (Thừa kế năm 2003)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CS01152 cấp ngày 19 tháng 10 năm 2018, của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cho ông Trần Nhứt Chiến.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Hiện trạng đất bỏ trống.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): **Không có.**

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất trồng lúa nước Địa chỉ: Ấp I, xã Bình Tấn, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp
- Diện tích: 1056,6 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 36.981.000 đồng (năm 2003 do thừa kế).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CS01153 cấp ngày 19 tháng 10 năm 2018, của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cho ông Trần Nhứt Chiến.
- Thông tin khác (nếu có): Hiện trạng đất đang canh tác lúa nước.

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): **Không có.**

2. Nhà ở, công trình xây dựng: “không có”

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: **Không có.**

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

nhut

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): **Không có.**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất: **Không có.**

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): **Không có.**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: “không có”

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không có.**

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không có.**

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có.**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. **Không có.**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. **Không có.**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

nhilaw

6.1. Cổ phiếu: **Không có.**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: **Không có.**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không có.**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không có.**

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: **Không có.**

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không có.**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không có.**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không có.**

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: Tổng số thu nhập từ lương là 96.000.000 đồng /năm.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): **Không có.**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không có.**

nhichu

- Tổng các khoản thu nhập chung: **Không có.**

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có biến động.

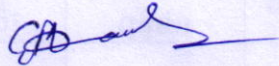
Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh,			

nhuhw

các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
--	--	--	--

Tam Nông, ngày tháng 12 năm 2021

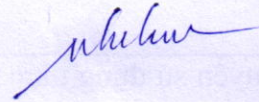
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



Nguyễn Văn Mông

Tam Nông, ngày 20 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Trần Nhứt Chiên